CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 176/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; mức trợ cấp hưu trí xã hội; trình tự thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội; hỗ trợ chi phí mai táng; kinh phí và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

1. Công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Từ đủ 75 tuổi trở lên;

b) Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị định này;

c) Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng mức 500.000 đồng/tháng.

Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đồng thời thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng thì được hưởng chế độ trợ cấp cao hơn.

2. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội

1. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua tổ chức bưu chính hoặc trên môi trường mạng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là cấp xã);

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hoá thông tin liên quan của người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tính từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định;

Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thay đổi nơi cư trú đề nghị được nhận chế độ trợ cấp hưu trí xã hội ở nơi cư trú mới (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cũ quyết định thôi chi trả trợ cấp hưu trí xã hội tại địa bàn và có văn bản gửi kèm theo giấy tờ có liên quan của người đề nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới của người đề nghị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới căn cứ giấy tờ liên quan của người đề nghị, xem xét quyết định tiếp tục trợ cấp hưu trí xã hội và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội từ tháng thôi chi trả tại nơi cư trú cũ.

3. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội bị chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Thời gian thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ tháng sau liền kề tháng đối tượng chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí mai táng

1. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc người đã có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, đủ điều kiện hưởng nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa ban hành quyết định hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi chết thì được hỗ trợ chi phí mai táng theo mức quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ chi phí mai táng, mai táng phí quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

3. Trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng

a) Tổ chức, cá nhân lo mai táng cho đối tượng có Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua tổ chức bưu chính hoặc trên môi trường mạng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí mai táng.

Điều 6. Kinh phí và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội

a) Chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội được chi trả đầy đủ, kịp thời hằng tháng, đúng đối tượng;

b) Việc lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp hưu trí xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện chi trả bảo đảm yêu cầu có kinh nghiệm trong chi trả chính sách an sinh xã hội, có mạng lưới điểm giao dịch tại xã, phường, đặc khu; có thể thực hiện chi trả tại nhà cho một số đối

tượng đặc thù; bảo đảm các điều kiện để thực hiện chi trả kịp thời và an toàn; có nhân lực hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu, theo dõi thay đổi đối tượng ở cộng đồng;

c) Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức dịch vụ chi trả. Hợp đồng ghi rõ phạm vi, đối tượng chi trả, phương thức chi trả (gồm phương thức chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử do pháp luật quy định hoặc chi trả trực tiếp bằng tiền mặt), thời gian chi trả, mức chi phí chi trả, thời hạn thanh toán, quyền và trách nhiệm của các bên, thoả thuận khác có liên quan đến việc chi trả;

d) Trước ngày 25 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách đối tượng thụ hưởng trên địa bàn; số kinh phí chi trả tháng sau (bao gồm cả tiền truy lĩnh và mai táng phí của đối tượng); số kinh phí còn lại chưa chi trả các tháng trước (nếu có) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước và chuyển vào tài khoản tiền gửi của tổ chức dịch vụ chi trả, đồng thời chuyển danh sách chi trả để tổ chức dịch vụ chi trả cho đối tượng thụ hưởng tháng sau. Trong thời gian chi trả, Ủy ban nhân dân cấp xã cử người giám sát việc chi trả của tổ chức thực hiện chi trả;

đ) Hằng tháng, tổ chức dịch vụ chi trả tổng hợp, báo cáo danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả; danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau, số kinh phí còn lại chưa chi trả và chuyển chứng từ (danh sách đã ký nhận, chứng từ chuyển khoản ngân hàng) cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 20 hằng tháng để tổng hợp quyết toán kinh phí chi trả theo quy định.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách, hồ sơ của đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng xem xét quyết định chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định này. Đối tượng không phải làm văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lê Thành Long

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội
Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu)……

Sau khi tìm hiểu quy định về trợ cấp hưu trí xã hội, tôi đề nghị:

☐ Đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

☐ Đề nghị nhận trợ cấp hưu trí xã hội tại nơi cư trú mới

☐ Đề nghị thay đổi thông tin người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

I. Thông tin người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội

1. Họ, chữ đệm, tên *(Viết chữ in hoa):*. .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: …….. Giới tính: …….. Dân tộc: .....

3. Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân……...

4. Nơi cư trú: .....

5. Địa chỉ liên lạc: ……..

6. Số điện thoại: …….

7. Chế độ, chính sách đang hưởng (nếu có):

□ Lương hưu *(Mức……đồng/tháng. Hưởng từ tháng ……/……)*

□ Trợ cấp Bảo hiểm xã hội *(Mức……đồng/tháng. Hưởng từ tháng ……/……)*

□ Trợ cấp xã hội *(Mức …… đồng/tháng. Hưởng từ tháng ……/……)*

□ Trợ cấp ưu đãi Người có công với cách mạng *(Mức …… đồng/tháng. Hưởng từ tháng……/……)*

□ Trợ cấp, phụ cấp khác *(Mức …… đồng/tháng. Hưởng từ tháng ……/……)*

8. Tình trạng hộ

□ Hộ nghèo □ Hộ cận nghèo □ Không thuộc hộ nghèo, cận nghèo

9. Nơi đề nghị nhận trợ cấp hưu trí xã hội: ……

10. Tài khoản ngân hàng

- Tên tài khoản:……..

- Số tài khoản: ……Ngân hàng: ……

11. Thay đổi thông tin nơi cư trú, thay đổi thông tin của người đang hưởng trợ cấp hưu trí:

- Nơi cư trú mới *(Ghi cụ thể)*: ……..

- Thay đổi thông tin *(Ghi cụ thể)*: ……

II. Thông tin người giám hộ, người được uỷ quyền (nếu có)

1. Họ, chữ đệm, tên: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân: .....

4. Địa chỉ liên hệ: .....

5. Số điện thoại: .....

6. Quan hệ với người đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

....., ngày .... tháng .... năm ...	*..., ngày .... tháng .... năm .....*
NGƯỜI TIẾP NHẬN	**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ** (1)
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Nếu văn bản gửi điện tử thì người đề nghị không cần ký.

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu)……

1. Thông tin người đề nghị (người khai)

Họ, chữ đệm, tên: .....

Nơi cư trú: .....

Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân: .....

Quan hệ với người chết: .....

Nội dung đề nghị: .....

2. Thông tin người chết được tổ chức mai táng

Họ, chữ đệm, tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: .....

Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân: .....

Đã chết vào lúc: ..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

Nơi chết: .....

Nguyên nhân chết: .....

Số Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: …… do:.....

.....cấp ngày……..... tháng..... năm.....

3. Người, tổ chức lo mai táng nhận hỗ trợ chi phí mai táng

3.1. Trường hợp cá nhân, thân nhân đứng ra tổ chức mai táng:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/Nữ:.....

Thẻ Căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

Quan hệ với người chết: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

3.2. Trường hợp cơ quan, tổ chức đứng ra tổ chức mai táng:

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ:.....

Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

4. Phương thức nhận chi phí hỗ trợ mai táng:

□ Tài khoản ngân hàng:

Tên chủ tài khoản: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

□ Tiền mặt

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai của mình.

.... , ngày .... tháng .... năm ...	*.... , ngày .... tháng .... năm ...*
NGƯỜI TIẾP NHẬN TỜ KHAI	**NGƯỜI KHAI** (1)
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Nếu Tờ khai gửi điện tử thì người đề nghị không cần ký.